Tên: ……...

Lớp: S3…

Ngày giao bài: Thứ …, ngày …./….

Ngày nộp bài: Thứ …, ngày …./….

StarLink

Week: 39

Từ vựng HW: ……

Nghe HW: ……

Skill Builder - Listening & Speaking

A. THEORY: EXTRA VOCABULARY

Con bấm vào link/code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s3_for_w39_skill-builder

No.	Words	Meanings	Picture	No.	Words	Meanings	Picture
1	**summer vacation** (n)	kỳ nghỉ hè		5	**walking path** (n)	lối đi bộ / đường đi bộ	
2	**look around** (phr.v)	tham quan, nhìn/xem xung quanh		6	**field** (n)	cánh đồng	
3	**ride horses** (phr)	cưỡi ngựa		7	**taekwondo lesson** (n)	buổi học taekwondo / lớp học taekwondo	
4	**walk along** (phr)	đi dọc theo	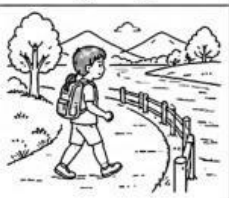	8	**color belt** (n)	đai màu / màu đai	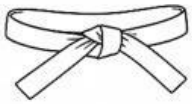

***Note:** *n = noun: danh từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; phr = phrase: cụm từ.*

B. CLASSWORK

LISTENING: How was your summer vacation

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://www.youtube.com/watch?v=wy398w9QcB4

LIVEWORKSHEETS

I. Listen to the story. Number the sentences in the correct order.
(Nghe câu chuyện. Đánh số các câu theo đúng thứ tự.)

A. One friend wishes the other good luck.

B. The two friends say hello to each other.

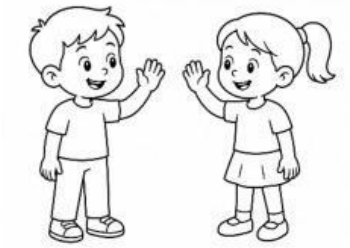

C. One friend talks about taekwondo lessons.

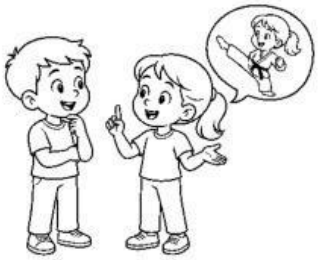

D. One friend talks about going to Jejudo.

E. One friend asks about the other's taekwondo belt color.

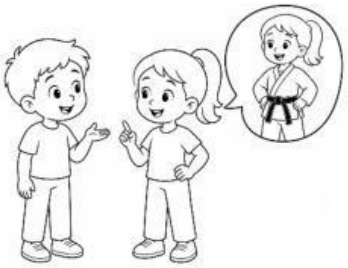

F. One friend says she wants to go to Jejudo.

Your answers:

1 - B	2 -	3 -	4 -	5 -	6 - .....

II. Listen carefully and write ONE WORD or NUMBER in each blank.
(Nghe cẩn thận và viết MỘT TỪ hoặc MỘT SỐ vào mỗi chỗ trống.)

0. The two friends talk about their summer vacation.

1. One friend went to Jejudo with her .....
2. They ..... horses in Jejudo.
3. Jeju olle is a walking .....
4. You can see beautiful ..... and fields from Jeju olle.
5. The other friend wants to get her ..... belt soon.

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

VOCABULARY (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục A. THEORY: EXTRA VOCABULARY (trang 1) một dòng vào vở.

II. Match the words/phrases with their meanings. *(Nối từ/cụm từ với nghĩa tiếng Anh tương ứng.)*

~~0. summer vacation~~	A. a road or track for people to walk on
1. look around	B. to sit on a horse and travel
2. ride horses	C. a large area of open land with grass
3. walk along	D. to visit a place and see many things
4. walking path	~~E. free time from school in summer~~
5. field	F. to move on foot beside something

Your answers:

0 - E	1 -	2 -	3 -	4 -	5 - .....

III. Unscramble the letters to make the correct words/phrases.
(Sắp xếp lại các chữ cái để tạo thành từ/cụm từ đúng.)

Scrambled	Hint	Answer
0. **dlief** *(n)*		field
1. **edri hosrse** *(phr)*		.....
2. **roloc lteb** *(n)*		.....
3. **klaw ganol** *(phr)*		.....
4. **mmsuer niacovat** *(n)*		.....
5. **tawonekdo snoles** *(n)*		.....

LIVEWORKSHEETS

IV. Fill in the blanks. Use the words in the box. *(Điền vào chỗ trống. Sử dụng các từ trong hộp.)*

~~summer vacation~~	look around	taekwondo lesson
walk along	color belt	rode horses

A: Hi! How was your *(0)* *summer vacation*?

B: It was great! I went to Danang. I could **(1)** ..... the beach every morning.

A: Wow! Did you **(2)** ..... the city too?

B: Yes! And some people **(3)** ..... on the beach. It looked so fun!

A: Cool! I stayed home and took a **(4)** ..... every day.

B: Really? What **(5)** ..... do you have now?

A: I have a white belt. I want a yellow belt soon!

LISTENING PRACTICE (5 questions)

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:
https://www.youtube.com/watch?v=wy398w9QcB4

Listen again to the recording from CLASSWORK (page 1) and complete the exercises.
(Nghe lại bản ghi âm từ CLASSWORK (trang 1) và hoàn thành các bài tập.)

Read the sentences. Write T (True), F (False). *(Đọc các câu sau. Viết T (Đúng), F (Sai).)*

0. The two friends talk about their summer vacation. *T*

1. One friend went to Jejudo alone. .....
2. Jeju olle is a famous restaurant. .....
3. The other friend thinks Jejudo sounds great. .....
4. The other friend took taekwondo lessons in her vacation. .....
5. The other friend already has a blue belt in taekwondo. .....

LIVEWORKSHEETS